

Báo cáo thị trường tiền tệ

Tỷ giá USDVND giảm sau khi FED cắt lãi suất

NHNN tiếp tục rút ròng thanh khoản

Trong tuần 38 năm 2025 (từ ngày 15 đến 19 tháng 9), NHNN tiếp tục rút ròng thanh khoản khi một lượng lớn hợp đồng mua kỳ hạn đáo hạn trong tuần. Cụ thể, NHNN đã phát hành 52.10 nghìn tỷ đồng hợp đồng mua kỳ hạn, trong khi 61.29 nghìn tỷ đồng hợp đồng mua kỳ hạn đáo hạn trong tuần, dẫn đến việc rút ròng thanh khoản 9.19 nghìn tỷ đồng.

Lãi suất liên ngân hàng phân hóa

Trong tuần này trên thị trường liên ngân hàng, lãi suất có sự phân hóa rõ rệt khi các kỳ hạn ngắn ghi nhận giảm trong khi một số kỳ hạn trung và dài hạn tăng nhẹ. Cụ thể, lãi suất qua đêm, 1 tuần và 1 tháng lần lượt giảm 20đcb, 20đcb và 3đcb, xuống mức 3.77%, 3.97% và 4.87%. Ngược lại, lãi suất kỳ hạn 2 tuần và 3 tháng tăng lần lượt 23đcb và 5đcb, đạt 4.57% và 5.35%. Bên cạnh đó, tổng khối lượng giao dịch bình quân đạt 1,095.63 nghìn tỷ đồng, tăng 46,15% so với tuần trước.

Tỷ giá USDVND giảm nhẹ

Tỷ giá USDVND trong tuần tiếp tục giảm nhẹ 0.03% (9 điểm phần trăm), trong khi Chỉ số DXY tăng nhẹ 0.1% vào thứ Sáu. Trên thị trường toàn cầu, Cục Dự trữ Liên bang Mỹ quyết định cắt giảm lãi suất 25 điểm cơ bản đúng như dự báo và phát tín hiệu sẽ có thêm hai đợt cắt giảm nữa trong năm nay. USD ban đầu suy yếu nhưng sau đó đã phục hồi khi số đơn xin trợ cấp thất nghiệp lần đầu của Mỹ giảm trong tuần trước, đảo ngược so với đợt tăng bất ngờ của tuần trước đó. Trong nước, tỷ giá USDVND đã giảm nhẹ xuống mức 26,382 vào thứ Sáu. Điều này diễn ra trong bối cảnh nhà đầu tư nước ngoài đã bán ròng 5.72 nghìn tỷ đồng, tương đương 3.39% giá trị giao dịch của HOSE trong tuần.

Chỉ số kinh tế Việt Nam

	T3/25	T4/25	T5/25	T6/25	T7/25	T8/25	corr.
FDI %n/n	9.9	7.7	9.8	8.7	10.3	11.9	-0.22
Tổng mức bán lẻ %n/n	9.8	9.3	9.5	8.3	8.6	10.6	-0.17
Xuất khẩu %n/n	14.5	19.7	17.0	16.4	16.0	14.5	-0.07
Nhập khẩu %n/n	19.0	22.8	14.1	20.2	17.8	17.7	0.02
Cán cân thương mại (Tỷ USD)	1.6	0.6	0.6	2.9	2.3	3.7	-0.05
Chỉ số giá tiêu dùng %t/t	-0.03	0.07	0.16	0.48	0.11	0.05	-0.04
Tín dụng %n/n	14.1	17.6	18.5	16.8	19.1	19.9	-0.28
USDVND %t/t	0.03	1.64	0.15	0.30	0.39	0.55	-0.32
PMI(Điểm)	50.5	45.6	49.8	48.9	52.4	50.4	-0.07
VNINDEX %t/t	0.1	-6.1	9.2	3.5	9.3	12.1	1.00

Nguồn: NHNN, GSO, Bloomberg, KIS

¹ Tương quan với tỷ suất sinh lãi hàng tháng của VNINDEX;

Xanh = tăng tốc; Vàng = giảm tốc; Đỏ = giảm

Nội dung

I. NHNN tiếp tục rút ròng thanh khoản	1
II. Lãi suất liên ngân hàng phân hóa	3
III. Lợi suất trái phiếu chính phủ tăng nhẹ	4
IV. Tỷ giá USDVND giảm nhẹ	6
Thống kê vĩ mô	8
Phụ lục	9

Research Dept.

researchdept@kisvn.vn

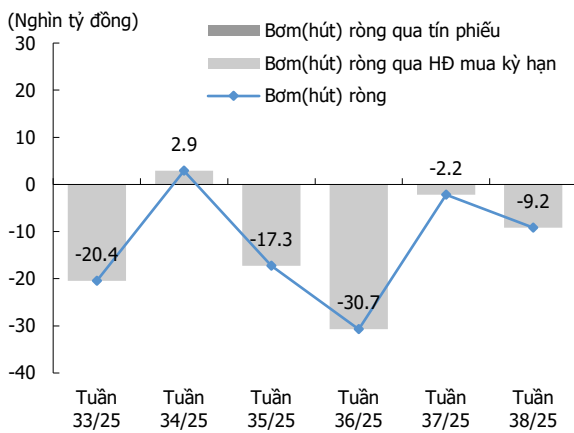
I. NHNN tiếp tục rút ròng thanh khoản

NHNN duy trì trạng thái rút ròng thanh khoản trong 4 tuần liên tiếp

Trong tuần 38 năm 2025 (từ ngày 15 đến 19 tháng 9), NHNN tiếp tục rút ròng thanh khoản khi một lượng lớn hợp đồng mua kỳ hạn đáo hạn trong tuần. Cụ thể, NHNN đã phát hành 52.10 nghìn tỷ đồng hợp đồng mua kỳ hạn, trong khi 61.29 nghìn tỷ đồng hợp đồng mua kỳ hạn đáo hạn trong tuần, dẫn đến việc rút ròng thanh khoản 9.19 nghìn tỷ đồng.

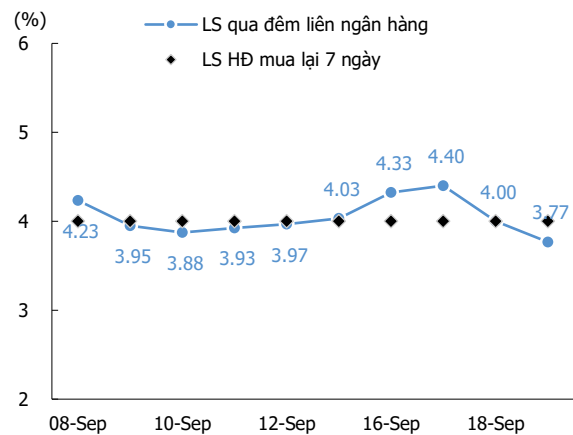
Những diễn biến này cho thấy áp lực thanh khoản đang giảm bớt, cho phép NHNN giảm bớt dư nợ hợp đồng mua kỳ hạn. Trong những tuần tới, chúng tôi kỳ vọng NHNN sẽ tiếp tục hỗ trợ hệ thống ngân hàng hoạt động thông suốt bằng cách duy trì thanh khoản ở mức hợp lý và ngăn chặn áp lực chi phí huy động vốn trên thị trường tiền tệ.

Hình 1. Bơm (rút) thanh khoản ròng



Nguồn: NHNN, KIS

Hình 2. Hành lang lãi suất



Nguồn: NHNN, KIS

Hình 3. Thông tin về phát hành HĐ mua kỳ hạn 7 ngày

Ngày phát hành	Ngày đáo hạn	Kỳ hạn (ngày)	Giá trị (nghìn tỷ)	Lãi suất (%)
15/09/2025	22/09/2025	7	6.00	4.00
16/09/2025	23/09/2025	7	6.00	4.00
17/09/2025	24/09/2025	7	4.73	4.00
18/09/2025	25/09/2025	7	0.89	4.00
Tổng		7	17.62	4.00

Nguồn: NHNN, KIS

Hình 4. Thông tin phát hành HĐ mua kỳ hạn 14

Ngày phát hành	Ngày đáo hạn	Kỳ hạn (ngày)	Giá trị (nghìn tỷ)	Lãi suất (%)
15/09/2025	29/09/2025	14	8.00	4.00
16/09/2025	30/09/2025	14	4.95	4.00
17/09/2025	1/10/2025	14	1.00	4.00
18/09/2025	2/10/2025	14	3.00	4.00
19/09/2025	3/10/2025	14	0.43	4.00
Tổng		14	17.38	4.00

Nguồn: NHNN, KIS

Hình 5. Thông tin về phát hành HĐ mua kỳ hạn 28 ngày

Ngày phát hành	Ngày đáo hạn	Kỳ hạn (ngày)	Giá trị (nghìn tỷ)	Lãi suất (%)
15/09/2025	13/10/2025	28	4.44	4.00
16/09/2025	14/10/2025	28	7.00	4.00
17/09/2025	15/10/2025	28	0.70	4.00
18/09/2025	16/10/2025	28	0.38	4.00
19/09/2025	17/10/2025	28	2.91	4.00
Tổng		28	15.43	4.00

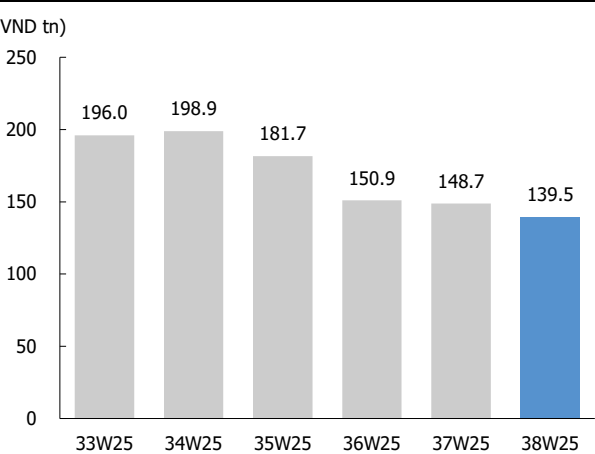
Nguồn: NHNN, KIS

Hình 6. Thông tin về phát hành HĐ mua kỳ hạn 91 ngày

Ngày phát hành	Ngày đáo hạn	Kỳ hạn (ngày)	Giá trị (nghìn tỷ)	Lãi suất (%)
17/09/2025	17/12/2025	91	1.57	4.00
18/09/2025	18/12/2025	91	0.09	4.00
Tổng		91	1.67	4.00

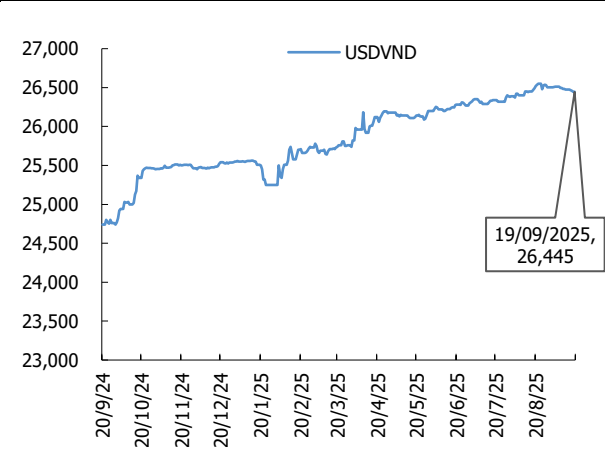
Nguồn: NHNN, KIS

Hình 5. Hợp đồng mua kỳ hạn đang lưu hành



Nguồn: NHNN, KIS

Hình 6. Diễn biến USDVND



Nguồn: NHNN, KIS

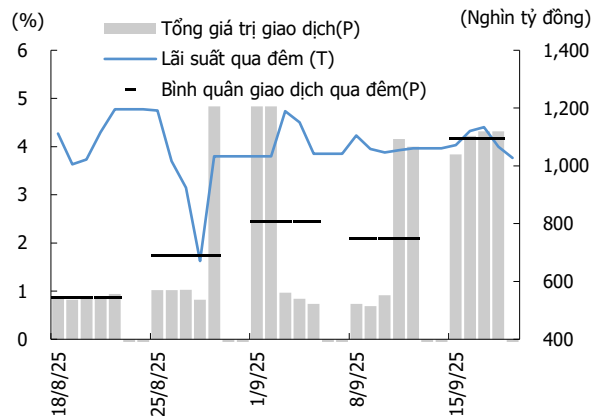
II. Lãi suất liên ngân hàng phân hóa

Lãi suất liên ngân hàng giảm ở hầu hết các kỳ hạn, trong khi một vài kỳ hạn tăng nhẹ.

Trong tuần này trên thị trường liên ngân hàng, lãi suất có sự phân hóa rõ rệt khi các kỳ hạn ngắn ghi nhận giảm trong khi một số kỳ hạn trung và dài hạn tăng nhẹ. Cụ thể, lãi suất qua đêm, 1 tuần và 1 tháng lần lượt giảm 20đcb, 20đcb và 3đcb, xuống mức 3.77%, 3.97% và 4.87%. Ngược lại, lãi suất kỳ hạn 2 tuần và 3 tháng tăng lần lượt 23đcb và 5đcb, đạt 4.57% và 5.35%. Bên cạnh đó, tổng khối lượng giao dịch bình quân đạt 1,095.63 nghìn tỷ đồng, tăng 46.15% so với tuần trước.

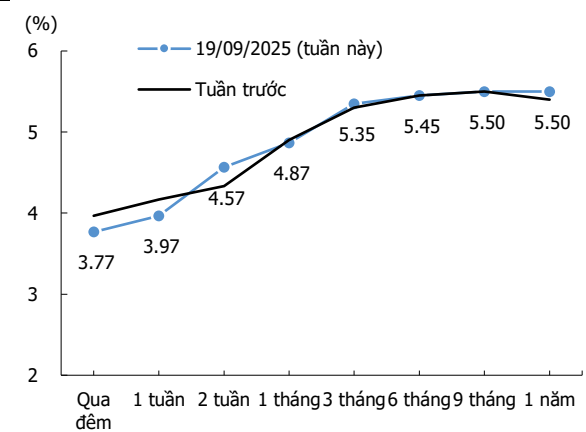
Điều này cho thấy điều kiện thanh khoản vẫn thuận lợi. Mặc dù NHNN đã rút ròng hơn 71 nghìn tỷ đồng trong tám tuần qua, lãi suất qua đêm duy trì xung quanh mức 4% và giá trị giao dịch của kỳ hạn này tăng mạnh tuần thứ hai liên tiếp. Lãi suất giảm cho thấy áp lực huy động vốn đã được giảm bớt, và khối lượng giao dịch tăng cao báo hiệu hoạt động thị trường sôi động. Chúng tôi kỳ vọng lãi suất liên ngân hàng sẽ duy trì ổn định quanh mức hiện tại trong những tuần tới để hỗ trợ các mục tiêu tăng trưởng của năm nay.

Hình 9. Giao dịch liên ngân hàng



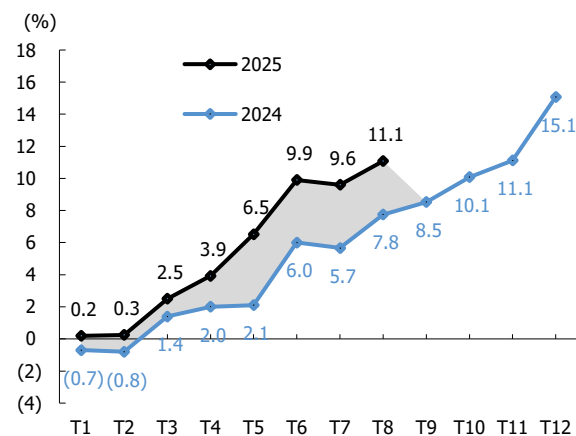
Nguồn: NHNN, Bloomberg, KISVN

Hình 10. Đường cong lãi suất liên ngân hàng



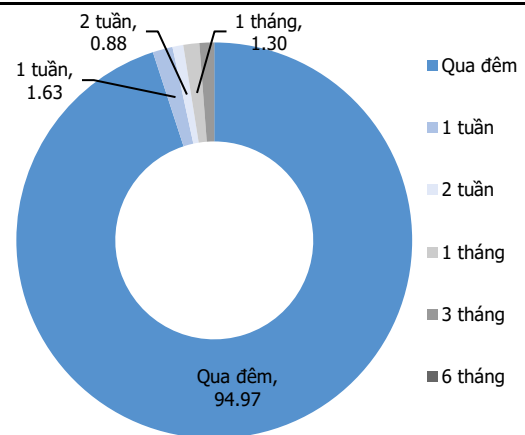
Nguồn: NHNN, Bloomberg, KISVN

Hình 11. Tăng trưởng tín dụng theo tháng



Nguồn: NHNN, Bloomberg, KISVN
Chú thích: Cập nhật đến ngày 28/08/2024

Hình 12. Thống kê giao dịch liên ngân hàng theo phân khúc



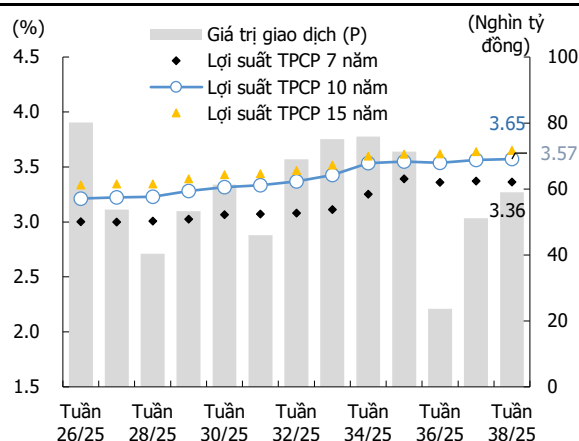
Nguồn: NHNN, Bloomberg, KISVN

III. Lợi suất trái phiếu chính phủ tăng nhẹ

Lợi suất trái phiếu chính phủ tăng trong khi Kho bạc Nhà nước đẩy mạnh phát hành

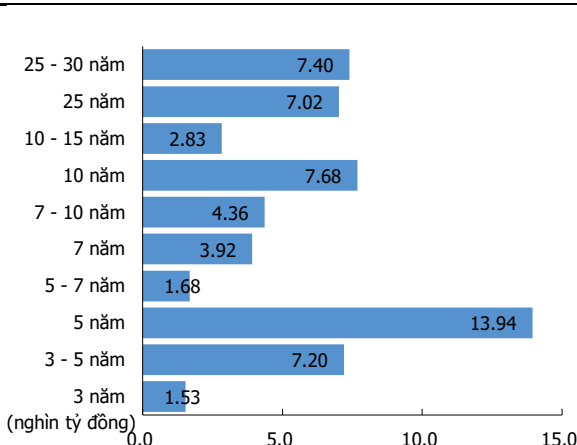
Trong tuần 38 năm 2025, lợi suất trái phiếu Chính phủ trên thị trường thứ cấp đã tăng nhẹ ở hầu hết các kỳ hạn, trong khi giá trị giao dịch cũng tăng lên. Cụ thể, lợi suất kỳ hạn 7 năm giảm 1đcb xuống mức 3.36%, trong khi lợi suất các kỳ hạn còn lại đều tăng 1đcb so với tuần trước. Tổng giá trị giao dịch đạt 58.95 nghìn tỷ đồng, tăng 15.31% so với tuần trước đó, ghi nhận mức giao dịch bình quân 19.65 nghìn tỷ đồng trong một ngày.

Hình 13: Giá trị giao dịch TPCP theo tuần



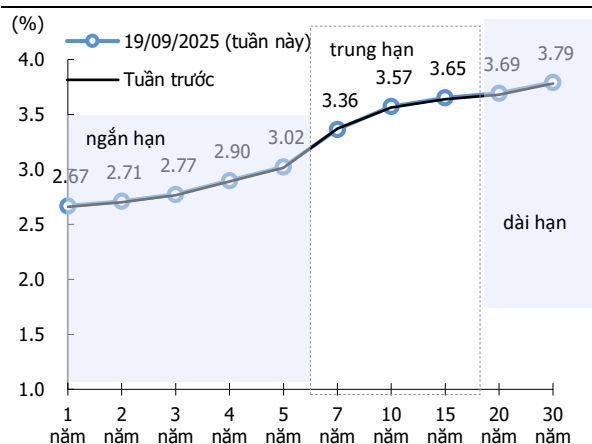
Nguồn: HNX, Bloomberg, KIS

Hình 14: Giá trị giao dịch TPCP theo kỳ hạn



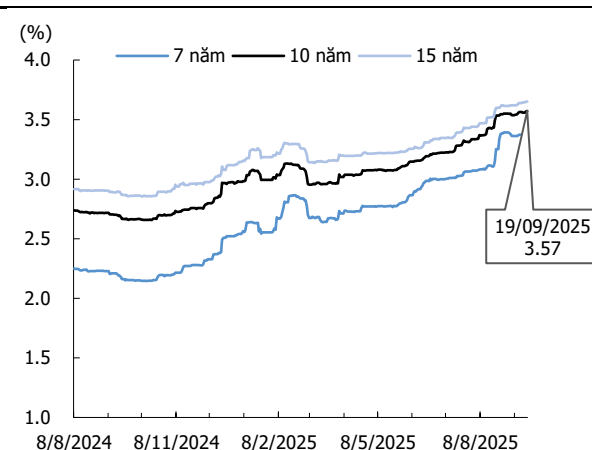
Nguồn: HNX, Bloomberg, KIS

Hình 15: Đường cong lợi suất TPCP



Nguồn: HNX, VBMA, KIS

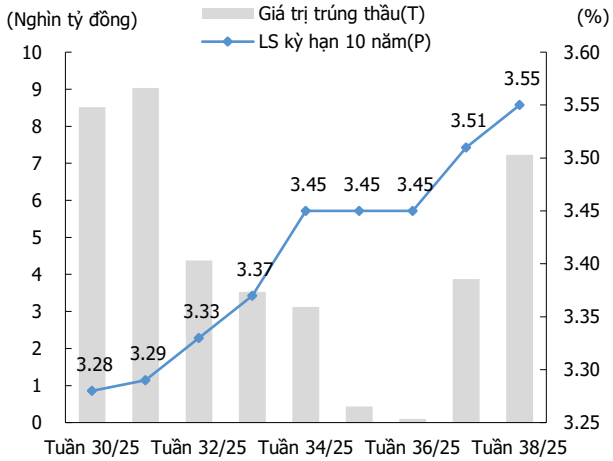
Hình 16: Lợi suất TPCP giao dịch hàng ngày



Nguồn: HNX, VBMA, KIS

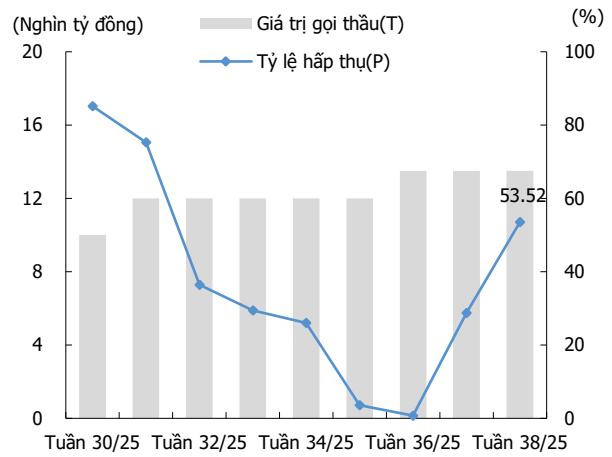
Trên thị trường sơ cấp, lợi suất kỳ hạn 10 năm đã tăng 4đcb lên 3.55%, trong khi giá trị trúng thầu tăng vọt 86.45% so với tuần trước, đạt 7.23 nghìn tỷ đồng. Điều này có thể phản ánh việc phát hành đang được đẩy nhanh nhằm hoàn thành kế hoạch năm. Tính đến nay, Kho bạc Nhà nước đã phát hành 249.91 nghìn tỷ đồng, hoàn thành 50% mục tiêu cả năm nhưng thấp hơn nhiều so với mức 65,51% trong năm 2024. Với tiến độ này, áp lực phát hành được kỳ vọng sẽ gia tăng trong những tháng còn lại, đặc biệt đối với kỳ hạn 10 năm được ưa chuộng. Điều này có thể đẩy lợi suất trái phiếu Chính phủ lên cao hơn và khiến các nhà đầu tư bán bớt các trái phiếu đã phát hành trước đó trên thị trường thứ cấp.

Hình 7: Giá trị trúng thầu hàng tuần



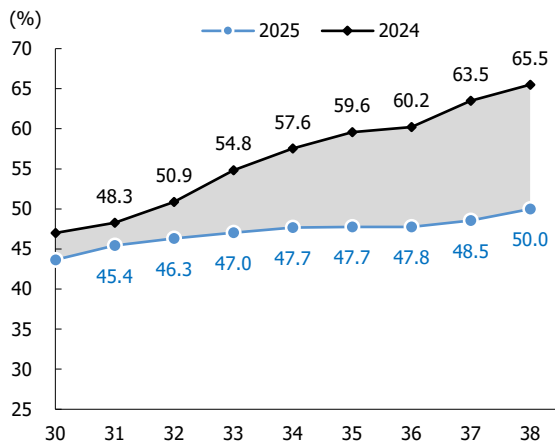
Nguồn: HNX, KIS

Hình 8: Hệ số hấp thụ hàng tuần



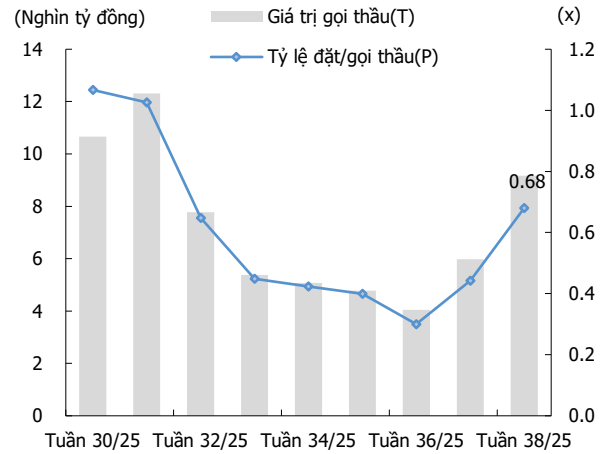
Nguồn: HNX, KIS

Hình 99: Tỷ lệ hoàn thành theo tuần trong năm



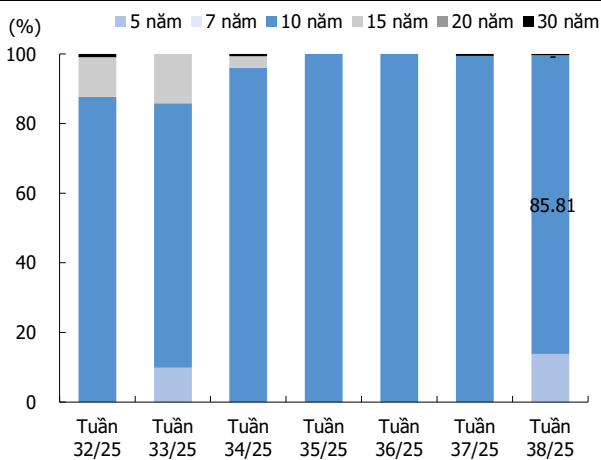
Nguồn: HNX, KIS

Hình 100: Tỷ lệ trúng thầu hàng tuần



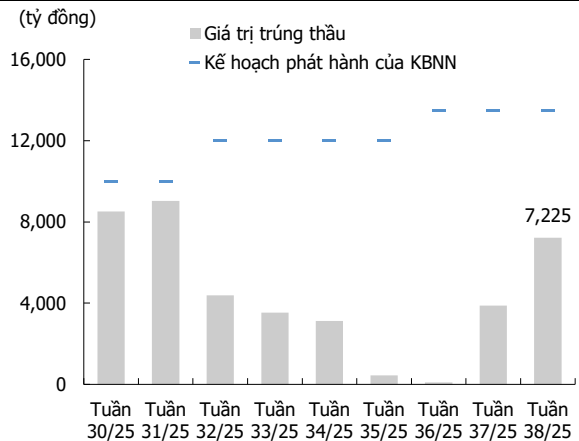
Nguồn: HNX, KIS

Hình 21: Cơ cấu TPCP trúng thầu hàng tuần



Nguồn: HNX, KIS

Hình 112: Lượng TPCP phát hành hàng năm



Nguồn: HNX, KIS

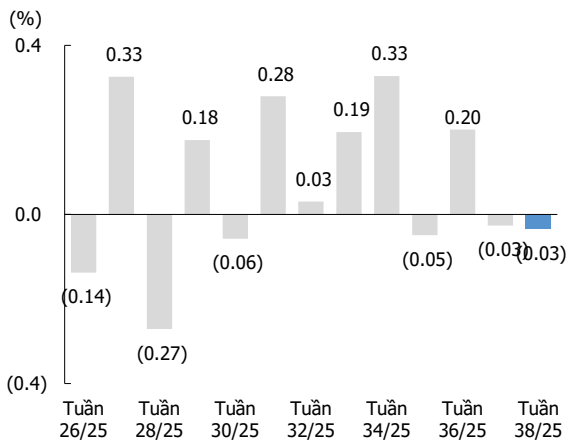
IV. Tỷ giá USDVND giảm nhẹ

Tỷ giá USDVND gần như không đổi sau cuộc họp của FOMC

Tỷ giá USDVND trong tuần tiếp tục giảm nhẹ 0.03% (9 điểm phần trăm), trong khi Chỉ số DXY tăng nhẹ 0.1% vào thứ Sáu. Trên thị trường toàn cầu, Cục Dự trữ Liên bang Mỹ quyết định cắt giảm lãi suất 25 điểm cơ bản đúng như dự báo và phát tín hiệu sẽ có thêm hai đợt cắt giảm nữa trong năm nay. USD ban đầu suy yếu nhưng sau đó đã phục hồi khi số đơn xin trợ cấp thất nghiệp lần đầu của Mỹ giảm trong tuần trước, đảo ngược so với đợt tăng bất ngờ của tuần trước đó. Trong nước, tỷ giá USDVND đã giảm nhẹ xuống mức 26,382 vào thứ Sáu. Điều này diễn ra trong bối cảnh nhà đầu tư nước ngoài đã bán ròng 5.72 nghìn tỷ đồng, tương đương 3.39% giá trị giao dịch của HOSE trong tuần.

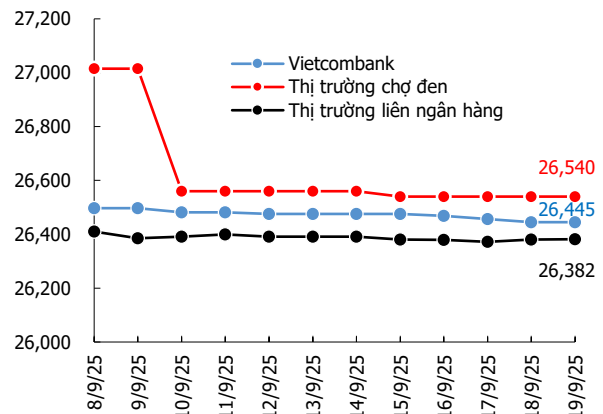
Trên thị trường ngoại hối, tại Vietcombank giá bán USD đã giảm 0.12% (31 điểm phần trăm), trong khi trên thị trường chợ đen giảm 0.08% (20 điểm phần trăm). Tính đến thứ Sáu, giá bán mỗi USD tại Vietcombank là 26,445 và trên thị trường chợ đen là 26,540.

Hình 123: Diễn biến của USDVND theo tuần



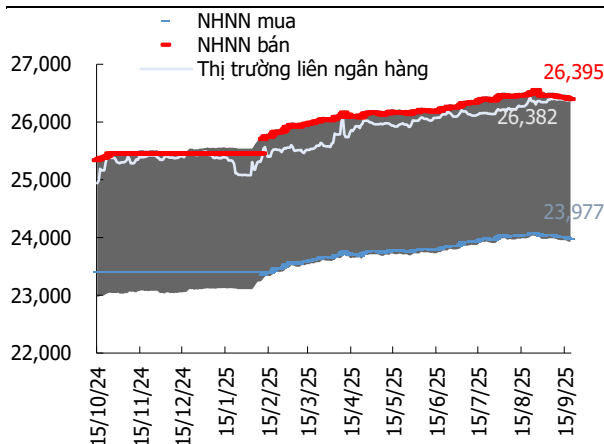
Nguồn: Bloomberg, KIS

Hình 134: USDVND: Thống kê theo thị trường hàng ngày



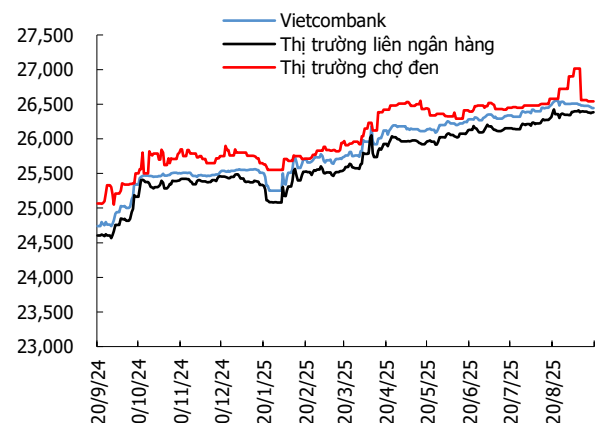
Nguồn: SBV, Vietcombank, KIS

Hình 14: Diễn biến giao dịch của NHNN



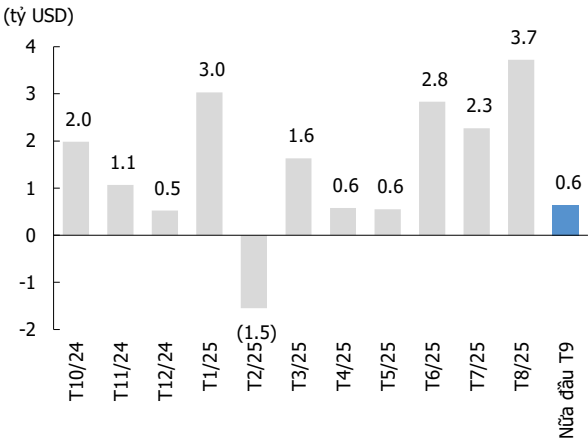
Nguồn: SBV, Bloomberg, Fiinpro, KIS

Hình 15: USDVND: Thống kê theo thị trường hàng tháng



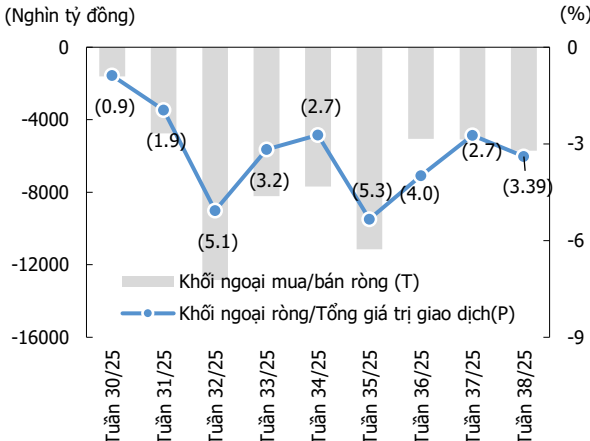
Nguồn: SBV, Bloomberg, KIS

Hình 16: Cán cân thương mại của Việt Nam hàng tháng



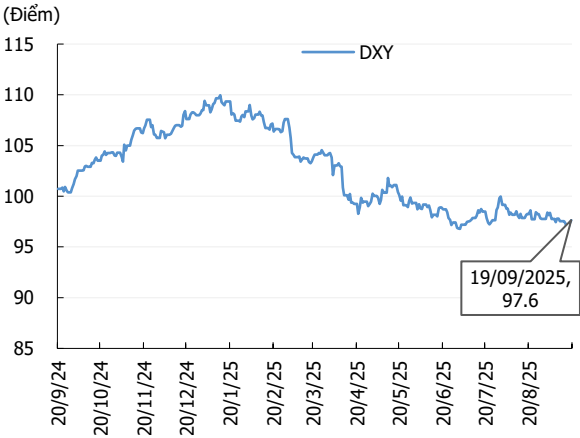
Nguồn: GSO, KIS
Chú thích: Cập nhật đến ngày 18/09/2025

Hình 17: Thống kê giao dịch của khối ngoại hàng tuần



Nguồn: Fiinpro, KIS

Hình 18: Thống kê chỉ số DXY hàng tháng



Nguồn: Bloomberg, KIS

Hình 19: Thống kê tuần các cặp tỷ giá nổi bật

		36W25	37W25	38W25	2025 YTD
Trung Quốc	USDCNY	0.03	-0.11	-0.10	-2.48
EU	USDEUR	-0.26	-0.14	-0.10	-11.85
Mexico	USDMXN	0.32	-1.48	-0.20	-11.38
Việt Nam	USDVND	0.20	-0.03	-0.03	3.51
Canada	USDCNY	0.65	0.10	-0.43	-4.44
Thượng Hải	USDTWD	0.00	-1.24	-0.02	-8.13
Nhật Bản	USDJPY	0.26	0.17	0.18	-5.88
Hàn Quốc	USDKRW	-0.21	0.48	0.26	-5.08
Thái Lan	USDTHB	-0.62	-1.49	0.44	-6.58
DXY	Chỉ số đồng USD	0.00	-0.22	0.10	-9.99

Nguồn: SBV, Bloomberg
Chú thích: Xanh = Giá tăng mạnh; Vàng = Giá biến động nhẹ; Đỏ = Giá giảm.

Thống kê vĩ mô

	T4/24	T5/24	T6/24	T7/24	T8/24	3Q24	4Q24	1Q25	2Q25	2021	2022	2023	2024
Tăng GDP thực (%)						7.43	7.55	7.05	7.96	2.58	8.02	5.05	7.09
FDI đăng ký (USD bn)	4.08	2.82	3.14	2.57	2.05	9.59	13.44	10.98	10.54	31.15	27.72	36.61	38.23
GDP bình quân (USD)										3,725	4,110	4,285	4,479
Tỷ lệ thất nghiệp (%)						2.23	2.22	2.20	2.22	3.22	2.32	2.26	2.24
Xuất khẩu (tỷ USD)	38.51	37.45	39.49	42.27	43.39	108.6	105.9	102.84	116.93	335.7	371.85	355.5	405.5
Nhập khẩu (tỷ USD)	36.88	36.87	36.66	40.00	39.67	99.7	101.9	99.68	112.52	331.1	360.65	327.5	380.8
Tăng trưởng XK (%)	14.49	19.75	16.31	15.95	14.50	15.82	11.46	10.64	18.03	18.74	10.61	-4.4	14.3
Tăng trưởng NK (%)	18.99	22.95	20.16	17.77	17.71	17.19	14.91	17.03	18.77	25.9	8.35	-8.9	16.7
Lạm phát (%)	3.13	3.12	3.57	3.19	3.24	3.48	2.87	3.22	3.31	1.84	3.15	3.25	3.63
USD/VND	25,565	25,983	26,121	26,199	26,345	24,093	25,386	25,565	26,121	22,790	23,650	23,784	25,386
Tăng trưởng tín dụng (%)	16.3	18.53	17.48	19.12	19.91	16.1	13.8	16.3	17.48	13.61	14.2	13.7	13.8
TPCP 10 năm (%)	3.06	3.20	3.34	3.45	3.69	2.66	2.94	3.06	3.34	2.11	5.08	2.39	2.94

Nguồn: GSO, Bloomberg, FIA, IMF

Hình 1. Cán cân thanh toán của Việt Nam (tỷ USD)

	2022	2023	2Q24	3Q24	4Q24	1Q25
Cán cân vãng lai	(1.1)	25.1	4.5	7.8	7.5	4.0
Hàng hóa: Xuất khẩu	371.3	354.7	97.9	108.2	105.9	102.8
Hàng hóa: Nhập khẩu	345.6	310.7	89.3	94.6	97.0	94.9
Hàng hóa ròng	25.7	44.0	8.5	13.6	8.9	7.9
Dịch vụ: Xuất khẩu	12.9	19.6	5.5	5.9	6.6	7.6
Dịch vụ: Nhập khẩu	25.5	29.1	8.3	9.8	9.6	9.2
Thu nhập sơ cấp: Thu	2.3	4.6	1.4	1.4	1.4	1.3
Thu nhập sơ cấp: Chi	22.0	27.0	5.4	6.1	3.8	7.2
Thu nhập thứ cấp: Thu	12.2	16.1	3.8	3.9	5.1	4.6
Thu nhập thứ cấp: Chi	6.7	3.1	1.1	1.0	1.0	1.1
Cán cân tài chính	(9.5)	(2.8)	(6.3)	(2.7)	0.3	(3.5)
Đầu tư trực tiếp ra nước ngoài: Tài sản có	2.7	1.6	(0.1)	(0.2)	(0.2)	(0.3)
Đầu tư trực tiếp ra nước ngoài: Tài sản nợ	17.9	18.5	5.0	5.2	6.4	4.0
Đầu tư gián tiếp ra nước ngoài: Tài sản có	(0.0)	0.0	0.0	(0.1)	0.0	0.0
Đầu tư gián tiếp vào Việt Nam: Tài sản nợ	1.5	(1.2)	(1.6)	(0.8)	(2.0)	(1.0)
Đầu tư khác, tài sản có	13.7	(14.3)	(5.2)	(2.6)	(4.3)	(3.5)
Đầu tư khác, tài sản nợ	6.4	(7.4)	(4.4)	(4.2)	0.4	(2.7)
Lỗi và sai sót	(31.1)	(16.6)	(4.3)	(5.1)	(9.4)	(2.1)
Dự trữ và các hạng mục liên quan	(22.7)	(5.6)	6.1	(0.1)	1.7	1.7

Nguồn: NHNN, IMF, KIS

Miễn trừ trách nhiệm

Báo cáo nghiên cứu và tài liệu marketing cho chứng khoán Việt Nam này được thực hiện và phát hành bởi phòng phân tích của CTCP Chứng khoán KIS Việt Nam, công ty được cấp giấy phép đầu tư của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước Việt Nam. Chuyên viên phân tích, người thực hiện và phát hành báo cáo phân tích này và các tài liệu marketing, được cấp chứng chỉ hành nghề và được quản lý bởi UBCKNN Việt Nam. Báo cáo này không được sao chép, nhân bản hoặc xuất bản (toàn bộ hoặc từng phần) hoặc tiết lộ cho bất kỳ người nào khác mà không được sự chấp thuận bằng văn bản của CTCP Chứng khoán KIS Việt Nam.

Báo cáo này được viết nhằm mục đích chỉ cung cấp thông tin. Bản báo cáo này không nên và không được diễn giải như một đề nghị mua hoặc bán hoặc khuyến khích mua hoặc bán bất cứ khoản đầu tư nào. Khi xây dựng bản báo cáo này, chúng tôi hoàn toàn đã không cân nhắc về các mục tiêu đầu tư, tình hình tài chính hoặc các nhu cầu cụ thể của các nhà đầu tư. Cho nên khi đưa ra các quyết định đầu tư cho riêng mình các nhà đầu tư nên dựa vào đánh giá cá nhân hoặc tư vấn của chuyên gia tư vấn tài chính độc lập của mình và tùy theo tình hình tài chính cá nhân, mục tiêu đầu tư và các quan điểm thích hợp khác trong từng hoàn cảnh. CTCP Chứng khoán KIS Việt Nam không đảm bảo nhà đầu tư sẽ đạt được lợi nhuận hoặc được chia sẻ lợi nhuận từ các khoản đầu tư. CTCP Chứng khoán KIS Việt Nam, hoặc các bên liên quan, và các nhân sự cấp cao, giám đốc và nhân viên tuyên bố miễn trừ trách nhiệm với các khoản lỗ hoặc tổn thất liên quan đến việc sử dụng toàn bộ hoặc một phần báo cáo này. Thông tin và nhận định có thể thay đổi bất cứ lúc nào mà không cần báo trước và có thể khác hoặc ngược với quan điểm được thể hiện trong các mảng kinh doanh khác của CTCP Chứng khoán KIS Việt Nam. Quyết định đầu tư cuối cùng phải dựa trên các đánh giá cá nhân của khách hàng, và báo cáo phân tích này và các tài liệu marketing không thể được sử dụng như là chứng cứ cho các tranh chấp pháp lý liên quan đến các quyết định đầu tư.

Bản quyền © 2023 của CTCP Chứng khoán KIS Việt Nam. Báo cáo này không được sao chép, nhân bản hoặc xuất bản (toàn bộ hoặc từng phần) hoặc tiết lộ cho bất kỳ người nào khác mà không được sự chấp thuận bằng văn bản của CTCP Chứng khoán KIS Việt Nam

VIET NAM

UYEN LAM, Head of Institutional Brokerage (uyen.lh@kisvn.vn +8428 3914 8585 - 1444)
KIS Vietnam Securities Corporation
3rd floor, 180-192 Nguyen Cong Tru, Nguyen Thai Binh Ward, District 1, Ho Chi Minh City.
Fax: 8428 3821-6898

SOUTH KOREA

YEONG KEUN JOO, Managing Director, Head of International Business Division (ykjoo@truefriend.com, +822 3276 5157)
PAUL CHUNG, Sales Trading (pchung@truefriend.com +822 3276 5843)
27-1 Yoido-dong, Youngdeungpo-ku, Seoul 150-745, Korea
Toll free: US 1 866 258 2552 HK 800 964 464 SG 800 8211 320
Fax: 822 3276 5681~3
Telex: K2296

NEW YORK

DONG KIM, Managing Director (dkim@kisamerica.com +1 212 314 0681)
HOON SULL, Head of Sales (hoonsull@kisamerica.com +1 212 314 0686)
Korea Investment & Securities America, Inc.
1350 Avenue of the Americas, Suite 1110
New York, NY 10019
Fax: 1 212 314 0699

HONG KONG

GREGORY KIM, Managing Director, Head of HK Sales (greg.kim@kisasia.com +852 2530 8915)
Korea Investment & Securities Asia, Ltd.
Suite 2220, Jardine House
1 Connaught Place, Central, Hong Kong
Fax: 852-2530-1516

SINGAPORE

ALEX JUN, Managing Director, Head of Singapore Sales (alex@kisasia.com.sg +65 6501 5602)
CHARLES AN, Sales (alex.jun@kisasia.com.sg +65 6501 5601)
Korea Investment & Securities Singapore Pte Ltd
1 Raffles Place, #43-04, One Raffles Place
Singapore 048616
Fax: 65 6501 5617

LONDON

Min Suk Key, Managing Director (peterkey@kiseurope.com +44 207 065 2766)
Korea Investment & Securities Europe, Ltd.
2nd Floor, 35-39 Moorgate
London EC2R 6AR
Fax: 44-207-236-4811

This report has been prepared by KIS Vietnam Securities Corp. and is provided for information purposes only. Under no circumstances is it to be used or considered as an offer to sell, or a solicitation of any offer to buy. While all reasonable care has been taken to ensure that the information contained herein is not untrue or misleading at the time of publication, we make no representation as to its accuracy or completeness and it should not be relied upon as such. This report is provided solely for the information of professional investors who are expected to make their own investment decisions without undue reliance on this report and the company accepts no liability whatsoever for any direct or consequential loss arising from any use of this report or its contents. This report is not intended for the use of private investors.

Copyright © 2020 KIS Vietnam Securities Corp. All rights reserved. No part of this report may be reproduced or distributed in any manner without permission of KIS Vietnam Securities Corp.